

Bản án số: 309/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 05/4/2019  
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

\*\*\*\*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2- Bà Trần Thị Nga.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 583/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Ngọc B**; Sinh năm: 1990  
Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Phú L**, Sinh năm: 1986.  
Địa chỉ: ấp 1 xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc B trình bày:

Bà và ông Trần Phú L chung sống với nhau do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2015.

Quá trình chung sống, bà và ông L không hạnh phúc, do tính tình không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà đã cố gắng dung hòa những bất đồng này nhưng không có kết quả.

Nay bà nhận thấy tình cảm hai bên ngày càng trở nên có khoảng cách, không còn khả năng hàn gắn, ảnh hưởng đến tinh thần đôi bên nên bà yêu cầu ly hôn với ông L để trả tự do cho nhau, ổn định tinh thần và cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông L có 01 con chung là trẻ Trần Phú G (sinh ngày 18/02/2017), hiện nay đang do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ G, ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi trẻ G trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Phú L trình bày: Ông và bà Trần Thị Ngọc B chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên quá trình chung sống giữa ông và bà B có những quan điểm và lối sống khác biệt nên dẫn đến mâu thuẫn không thể giải quyết được. Bà B thiếu trách nhiệm với gia đình về mọi mặt, có những thái độ, hành động, lời nói thiếu tư chất, gần như không hoàn thành vai trò của mình là vun vén gia đình, thường xuyên không thực hiện đúng thỏa thuận của hai bên và đây cũng là vấn đề dẫn đến mâu thuẫn giữa hai bên không thể hàn gắn. Nay bà B yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông đồng ý giao trẻ Trần Phú G (sinh ngày 18/02/2017) cho bà B chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định quá trình chung sống, ông và bà B không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến như sau: Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: Giao trẻ Trần Phú G (18/02/2017) cho bà B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị Ngọc B và ông Trần Phú L chung sống với nhau do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2015. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà B yêu cầu ly hôn với ông L. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Theo giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số: 1/2015 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/7/2015 thể hiện hôn nhân giữa bà B và ông L là hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà B và ông L thừa nhận do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không hóa giải được những mâu thuẫn, không thấu hiểu và chia sẻ, không còn thương yêu nhau nữa nên đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay.

Tại phiên tòa, ông L cũng nhận thấy giữa ông và bà B không còn tin tưởng lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đều không có thiện chí hàn gắn, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành và việc hai bên tự nguyện ly hôn là thật sự, không trái với quy định của pháp luật, nghĩ nên công nhận thuận tình ly hôn giữa bà B và ông L là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà B và ông L có 01 con chung là trẻ Trần Phú G (sinh ngày 18/02/2017). Bà B có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ G. Ông L cũng đồng ý giao trẻ G cho bà B chăm sóc, nuôi dưỡng.

Theo kết quả trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Trần Thị Ngọc B và trẻ Trần Phú G đang sống với cha mẹ ruột của bà B tại tổ 5 ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy trẻ G sinh ngày 18/02/2017 còn nhỏ, cần có tình yêu thương và chăm sóc của mẹ, hơn nữa từ trước đến nay trẻ G được bà B chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, chỗ ở ổn định. Tránh làm xáo trộn cuộc sống của trẻ và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, nghĩ nên giao trẻ G cho bà B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ông L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi trẻ G trưởng thành.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà B xác định quá trình chung sống, bà và ông L có tài sản chung là căn nhà tại địa chỉ ấp 1 xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, còn ông L thì xác định giữa ông và bà B không có tài sản chung trong quá trình chung sống. Tuy nhiên, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà B và ông L đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Bà B và ông L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn của bà Trần Thị Ngọc B và ông Trần Phú L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số: 1/2015 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/7/2015 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Trần Phú G (sinh ngày 18/02/2017) cho bà Trần Thị Ngọc B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Phú G có trách

nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi trẻ G trưởng thành.

Ông L có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà B và ông L không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà B và ông L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí:

Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) do bà B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005009 ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà B đã nộp đủ án phí.

Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi Nhận:*

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

**Nguyễn Thị Ngọc Châu**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 05/4/2019.

Tại Phòng nghị án Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

- Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

- Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2- Bà Trần Thị Nga.

Đã nghị án về vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo hồ sơ thụ lý số 583/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2018, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc B, bị đơn ông Trần Phú L.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định với tỉ lệ biểu quyết 3/3 những vấn đề sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn của bà Trần Thị Ngọc B và ông Trần Phú L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số: 1/2015 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/7/2015 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Trần Phú Gia (sinh ngày 18/12/2017) cho bà Trần Thị Ngọc B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Phú Gia có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi trẻ Gia trưởng thành.

Ông L có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà B và ông L không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà B và ông L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí:

Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) do bà B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005009 ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà B đã nộp đủ án phí.

Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Buổi nghị án kết thúc lúc 10 giờ 15 phút cùng ngày.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**